

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/05/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+MRM+P1	7:25	22+0+0	0+0+0		17+0+0	0+0+0	chuyen 2 mrm-p1
2		TD1+BK5+TD3	7:25	14+8+0	0+0+0		10+4+8	0+0+0	
3		RP2+RC10+RC3	7:25	12+3+7	0+0+0		12+3+7	0+0+0	
4		SAVR	7:25	18	0		19	0	ec225
5		RP2+BK14+P2	9:25	15+7	0+0		9+6+7	0+0	
6		BK6+P2	9:25	11+11	0+0		6+16	0+0	
7		CTK3+BK9+RP2	9:25	4+8+9	0+0+0		4+0+14	0+0+0	chuyen 1 ctk3-bk9
8		P2+BK5+TD1	11:25	21+0+0	0+0+0		9+5+8	0+0+0	
9		RP2+CTC1+BK8	11:25	7+6+9	0+0+0		0+12+10	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày CTC1-3ng, Bk15-3ng(TD1), Bk5-4ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/05/2025	TO: CLO - MRM - P1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - TTRUNG -	ETA: 09:20
XANH-1		QUÂN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	SUKHOMLIN IGOR	CLO	67-68	2	16			123	KHOAN	Russian
2	PHẠM TẤT LỰC	CLO	78-79	2	9			72	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẶNG DUY LY	CLO	55	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CLO	73	1	8			80	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN VĂN KHANG	CLO	82	1	9			73	KHOAN	Vietnamese
6	ĐỖ TRƯỜNG GIANG	CLO	69	1	14			80	KHOAN	Vietnamese
7	BUI TRƯỜNG SINH	CLO	72	1	8			74	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ MẠNH HÙNG	CLO	53	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU THẮNG	CLO	75	1	6			64	KHOAN	Vietnamese
10	THẠCH HỮU TÂN	CLO	57-58	2	16			72	YTE	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG TIẾN	CLO	64-65	2	8			74	KHOAN	Vietnamese
12	BUI XUÂN DUY	CLO	80	1	12			68	KHOAN	Vietnamese
13	ĐINH XUÂN PHÚ	CLO	61-62	2	8			69	KHOAN	Vietnamese
14	BUI TRẦN NAM	CLO	81	1	9			70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐĂNG MẠNH	CLO	56	1	5			51	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CLO	70	1	19	1	9	93	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐỖ QUANG TẠO	CLO	54	1	9			73	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN ANH TUÂN	CLO	63	1	12			60	XAYLAP	Vietnamese
19	HÀ XUÂN BÌNH	CLO	59-60	2	20			68	XAYLAP	Vietnamese
20	DƯƠNG BÙI LAM	CLO	66	1	22			62	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HUÂN	CLO	74	1	11	1	15	83	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN SANG	CLO	76-77	2	10			60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		CLO	22	1.611	29	241	2	24	19			
2		MRM	0	0	0	0	0	0	0	2		CHUYEN 2 PAX FROM MRM-P1
3		P1	0	0	0	0	0	0	0			
		TOTAL	22	1.611	29	241	2	24	19			
		WEIGHT KG		1.611		241		24				

GRAND TOAL: 1.876 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/05/2025	TO: TD1 - BK5 - TD3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: DUONG - M.ĐỨC - HIẾU	ETA: 09:25
CAM-1			

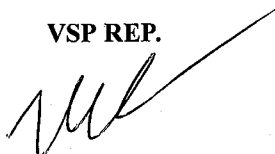
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU VAN QUY	TD1	94	1	3			55	KHOAN	Vietnamese
2	TRINH HUY TOAN	TD1	01,600	2	9			63	KHOAN	Vietnamese
3	LE XUAN PHUONG	TD1	95	1	10			71	KHOAN	Vietnamese
4	THAI ĐỨC TOAN	TD1	97	1	2			57	KHOAN	Vietnamese
5	NINH ĐỨC THUẬT	TD1	98	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN GIANG	TD1	99	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
7	DUONG MINH ĐỨC	TD1	96	1	3			70	KHOAN	Vietnamese
8	HỒ VĂN HẬU	TD1	35	1	6			64	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG TUAN ANH	TD1	02	1	12			77	KHOAN	Vietnamese
10	KIEU VAN HUAN	TD1	37,93	2	15			63	KHOAN	Vietnamese
11	ĐINH VAN HUÂN	TD1	33-34	2	14			76	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN ANH DUNG	TD1						96	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN VAN THỊNH	TD1	36	1	4			72	NIPI	Vietnamese
14	TRAN KHOA TRUONG	TD1	38	1	7			78	NIPI	Vietnamese
15	THAI HAI HA	BK5	57-58	2	12	2	35	63	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG THANH TRUNG	BK5						74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG THANG	BK5						73	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DINH THỊNH	BK5	55	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
19	TA HOAI TRANG	BK5						75	ANTOAN	Vietnamese
20	BUI TRAN VIET	BK5	61-62	2	10			69	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN VAN THUAN	BK5	59-60	2	10			72	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN HUU NGHIEM	BK5	56	1	6			57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		TD1	14	973	16	95	0	0	10			
2		BK5	8	542	8	42	2	35	4			
3		TD3	0	0	0	0	0	0	8			
		TOTAL	22	1.515	24	137	2	35	22			
		WEIGHT KG		1.515		137		35				

GRAND TOAL: 1.687 KGS

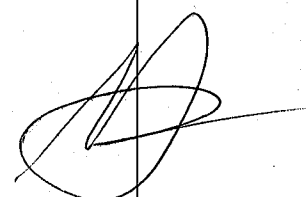
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/05/2025	TO: RP2 - RC10 - RC3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LTUẤN - MTHAO - VŨ	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGÔ VIỆT PHƯƠNG	RP2	43	1	14			84	KHOAN	Vietnamese
2	KHALIMOV A	RP2	38	1	12			95	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN BÌNH LONG	RP2	40	1	8			84	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	45	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG HOANG	RP2	39	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	50	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
7	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	44	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HÙNG CUÔNG	RP2	41-42	2	6			87	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN BÀ DUY	RP2	46	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG TÂN	RP2	47	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY HÙNG	RP2	49	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN THIÊN PHƯỚC	RP2	48	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TẤT THANH	RC10	70-71	2	11			56	KH-THAC	Vietnamese
14	TẠ VĂN VIỆT	RC10	72	1	9			77	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM TRUNG KIẾN	RC10						68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HUY HOÀNG	RC3	80-81	2	15			94	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI SI HIẾU	RC3	82	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGÔ KHANH NAM	RC3	84-85	2	9			80	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN HAI VIỆT	RC3	86	1	6			91	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ XUÂN LỢI	RC3	78	1	7			76	PV GAS	Vietnamese
21	PHAN LÊ VINH	RC3	79	1	6			98	PV GAS	Vietnamese
22	VŨ NGỌC HÙNG	RC3	83	1	14			58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		RP2	12	912	13	89	0	0	12			
2		RC10	3	201	3	20	0	0	3			
3		RC3	7	559	9	64	0	0	7			
		TOTAL	22	1.672	25	173	0	0	22			
		WEIGHT KG		1.672		173		0				

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/05/2025	TO: SAVR	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:45
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: MTIEN - VLINH	ETA: 09:35
TRANG-1			

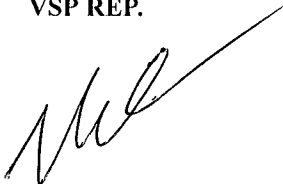
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN HOANG LONG	SAVR	75-76	2	18			66	DMC-MI	Vietnamese
2	NGUYEN HOANG ANH DUNG	SAVR	64-65	2	19			67	PVDLOGG	Vietnamese
3	KOMISARENKO ALEKSANDR	SAVR	61-62	2	18			112	AMNGR	Russian
4	LAPUKHIN VLADIMIR	SAVR	63	1	5	3	47	87	AMNGR	Russian
5	EREMEEV EVGENIY NIKOLAEVICH	SAVR	74	1	14			98	KHOAN	Russian
6	TRAN VINH PHUONG	SAVR						67	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN VAN ĐỨC	SAVR	73	1	2			77	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ TRƯỜNG SA	SAVR						69	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ANH VŨ	SAVR	70	1	11			79	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TIEN THUC	SAVR	71	1	7			81	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN VAN LY	SAVR	69	1	8			83	KH-THAC	Vietnamese
12	URZHANOV BAKHETZHAN	SAVR	33,60	2	9			106	AMNGR	Russian
13	PHAN HUY CHUONG	SAVR	68	1	9			66	AMNGR	Vietnamese
14	NGUYEN BA TUAN	SAVR	78	1	8			52	AMNGR	Vietnamese
15	PHAM VAN HOANG	SAVR	66	1	2			65	AMNGR	Vietnamese
16	TRAN NGOC HUNG	SAVR	67	1	8			71	AMNGR	Vietnamese
17	NGUYEN TRONG KHOA	SAVR	77	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
18	LUONG XUAN THANH	SAVR	72	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		SAVR	18	1.398	20	151	3	47	19			
		TOTAL	18	1.398	20	151	3	47	19			
		WEIGHT KG		1.398		151		47				

GRAND TOAL: 1.596 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/05/2025	TO: RP2 - BK14 - P2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - TTRUNG - QUÂN	ETA: 11:40
TIM-2			

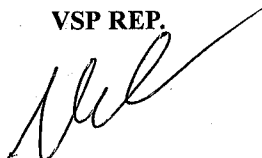
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	16	1	6	2	35	66	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ ĐỨC CUONG	RP2	06	1	3			82	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ TRƯỜNG CHINH	RP2	10	1	9			61	KH-THAC	Vietnamese
4	HỒ ĐỨC LONG	RP2	11	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
5	VU HUU QUAN	RP2	08	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG TUAN CUONG	RP2	09	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
7	VÔ HOANG CAM	RP2	18	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ LAM	RP2	07	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	23	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT NHƯNG	RP2	12	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	13	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN NGON QUANG DUY	RP2	17	1	8			94	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VIỆT TRƯỞNG	RP2	19	1	4	3	25	65	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN ĐỨC NGUYỄN	RP2	14	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN HỢP	RP2	15	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
16	HUYNH XUÂN TRƯỞNG	P2	11	1	2	1	12	74	D-HANH	Vietnamese
17	DUBOV A.V.	P2	05-06	2	18			96	KH-THAC	Russian
18	NGUYỄN THẾ ANH	P2	01	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM QUỐC HIEN	P2	03-04	2	13			56	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG MINH ĐỨC	P2	02	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM NGUYEN HOANG PHUC	P2	73	1	3			86	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ DANG MINH DUC	P2	76	1	5			94	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

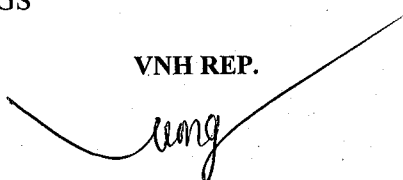
No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		RP2	15	1.010	15	81	5	60	9			
2		BK14	0	0	0	0	0	0	6			
3		P2	7	538	9	51	1	12	7			
		TOTAL	22	1.548	24	132	6	72	22			
		WEIGHT KG		1.548		132		72				

GRAND TOAL: 1.752 KGS

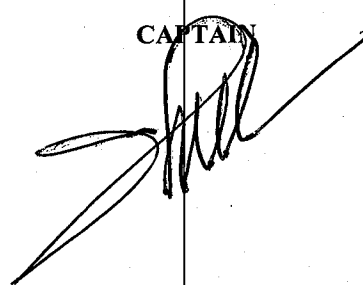
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/05/2025	TO: BK6 - P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: <i>Linh</i> - M.ĐỨC - HIẾU	ETA: 11:45
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐẠO ĐỨC THAI	BK6	11	1	16			87	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN DŨNG	BK6	13-14	2	15			56	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VĂN CUÔNG	BK6	17	1	16			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN SOAI	BK6	12	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ BA HÒA	BK6	09-10	2	25			75	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ NGỌC AN	BK6	06	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ VĂN THO	BK6	05	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN CÔNG THANH	BK6	04	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ DUY AN	BK6	15-16	2	18			122	ANTOAN	Vietnamese
10	PHAN MẠNH CUÔNG	BK6	07-08	2	21			84	ANTOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN PHÊ	BK6				2	35	74	PSV	Vietnamese
12	LUƠNG XUÂN THAI	P2	71,74	2	20	1	20	72	KH-THAC	Vietnamese
13	DUƠNG XUÂN DIỆP	P2	10	1	5			48	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC HUY	P2	88	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN CHÍ	P2	79	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC ANH TUẤN	P2	80	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ ĐỨC TOÀN	P2	75	1	6			85	KH-THAC	Vietnamese
18	DIỆP XUÂN PHONG	P2	78	1	4			72	KHI	Vietnamese
19	LÊ MẠNH HÙNG	P2	87	1	2			73	ANTOAN	Vietnamese
20	TRẦN TRỌNG PHONG	P2	90,82	2	17			73	YTE	Vietnamese
21	LÊ VĂN ĐỒNG	P2	77	1	2			78	KH-THAC	Vietnamese
22	DOAN NGUYEN BAO CHAU	P2	12	1	8			59	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		BK6	11	876	14	140	2	35	6			
2		P2	11	773	13	81	1	20	16			
		TOTAL	22	1.649	27	221	3	55	22			
		WEIGHT KG		1.649		221		55				

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/05/2025	TO: CTK3 - BK9 - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:30
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: LTUÂN - MTHAO - VŨ	ETA: 14:20
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN ĐỨC HANH	CTK3	08-09	2	22			84	KH-THAC	Vietnamese
2	CAO VĂN THĂNG	CTK3	11	1	5	1	15	77	WOGC	Vietnamese
3	BUI VĂN HUY	CTK3	10	1	7			66	ANTOAN	Vietnamese
4	DINH MANH DUC	CTK3						70	VNHS	Vietnamese
5	ĐÀO VĂN HOAN	BK9	53	1	16			73	XAYLAP	Vietnamese
6	VŨ TRỌNG HOÈ	BK9	47-48	2	17			73	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN HÙNG	BK9	46	1	14			55	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM HỒNG PHÚC	BK9	54-55	2	18			59	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN TRƯỜNG	BK9	56-57	2	25			68	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN CÔNG	BK9	49-50	2	19			71	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI ĐÌNH SANG	BK9	51-52	2	15	2	35	59	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH TIỀN	BK9	44-45	2	19			66	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI KHÁC HOANG	RP2	59-60	2	15			57	YTE	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG TÂN	RP2	58	1	3			57	PSV	Vietnamese
15	LÊ MẠNH HÙNG	RP2	57	1	5			74	PSV	Vietnamese
16	HOANG VIỆT ANH	RP2	51	1	7			67	PSV	Vietnamese
17	VŨ VĂN TUÂN TỬ	RP2	52	1	8			70	PSV	Vietnamese
18	LƯƠNG TRỌNG DƯƠNG	RP2	56	1	7			55	PSV	Vietnamese
19	VUÔNG NHẬT KHANH	RP2	55	1	12			72	PSV	Vietnamese
20	LÊ HOÀI NAM	RP2	54	1	5			56	PSV	Vietnamese
21	PHAN VĂN HỒNG	RP2	53	1	6			71	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH TIỀN	RP2	61	1	8			61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		CTK3	4	297	4	34	1	15	4 + 1		CHUYEN 1 PAX CTK3-BK9	
2		BK9	8	524	14	143	2	35	0			
3		RP2	10	640	11	76	0	0	14			
		TOTAL	22	1.461	29	253	3	50	18			
		WEIGHT KG		1.461		253		50				

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

lúc thả nhiên phải ngò giờ phau lúc chuyển pax



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/05/2025	TO: P2 - BK5 - TD1	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - HTRUNG -	ETA: 14:00
VANG-3		THÀNH	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LUU VAN TU	P2	61	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
2	HO HUU LINH	P2	65	1	3			91	KH-THAC	Vietnamese
3	K LING	P2	67	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
4	VU VAN HIEU	P2	68	1	3			58	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VAN QUYEN	P2	59-60	2	16			66	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN DAI NGHIA	P2	66	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
7	DOAN VAN DU	P2	57	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC DU	P2	52	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
9	LE VAN VUONG	P2	62	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN PHONG	P2	51	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUU HA	P2	58	1	11			52	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI THO DUNG	P2						62	KH-THAC	Vietnamese
13	DOAN KHAC CAN	P2	63	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DINH NAM	P2	53	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
15	TANG MANH HA	P2	464	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HIEU	P2	54	1	12			85	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG THUC	P2	49	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VIET BINH	P2	70	1	5			60	PSV	Vietnamese
19	ĐANG THE ANH	P2	55-56	2	12			71	PHONG CAI	Vietnamese
20	NGUYEN THANH HOA	P2	72	1	13			91	PHONG CAI	Vietnamese
21	LE QUANG NINH	P2						67	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		P2	21	1.454	21	143	0	0	9			
2		BK5	0	0	0	0	0	0	5			
3		TD1	0	0	0	0	0	0	8			
		TOTAL	21	1.454	21	143	0	0	22			
		WEIGHT KG		1.454		143		0				

GRAND TOAL: 1.597 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/05/2025	TO: RP2 - CTC1 - BK8	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: LINH - SƠN - DTÙNG	ETA: 14:05
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LƯƠNG NGỌC THANH	RP2	30	1	4			96	KH-THAC	Vietnamese
2	BOIKO D.	RP2	32	1	14			126	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN QUỐC KHÔI	RP2	33-34	2	18			68	KH-THAC	Vietnamese
4	TRUÔNG HỒNG HAI	RP2	26	1	13			86	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM HOANG LONG	RP2	27-28	2	7	1	20	84	NIPI	Vietnamese
6	NGUYỄN HUY HOANG	RP2	31	1	6			73	NIPI	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG HIỆU	CTC1	43-44	2	13			86	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ HOANG LONG	CTC1	40	1	11			84	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM BUI ĐÌNH LỘC	CTC1	41-42	2	11			87	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN TRỌNG MẠNH	CTC1	38	1	12			58	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ QUANG HA	CTC1	45	1	6			80	PSV	Vietnamese
12	TRẦN VĂN THOẠI	CTC1	39	1	6			57	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN TAT HÒA	BK8						81	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ HUY TIỀN HAI	BK8	13	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG SY NGỌC	BK8	16	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN THANH SƠN	BK8	17	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ MINH HÙNG	BK8	12	1	13			68	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẠM HUY HÙNG	BK8	20-21	2	18			75	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN PHƯƠNG	BK8	14-15	2	13			75	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG ĐÌNH THUẬN	BK8	18-19	2	16			65	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI ĐẶC CẢNH	BK8	11	1	6			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		RP2	6	533	8	62	1	20	0			
2		CTC1	6	452	8	59	0	0	12			
3		BK8	9	629	11	82	0	0	10			
		TOTAL	21	1.614	27	203	1	20	22			
		WEIGHT KG		1.614		203		20				

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN